

Bản án số: 120/2022/HC-PT

Ngày: 11-5-2022

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Phước Thanh

Ông Vũ Thanh Liêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 47/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc “*Khiếu kiện yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 41/2021/HC- ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1576/2022/QĐPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

\* *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Luật sư Trần Thị Như T, Văn phòng luật sư Dân Phúc, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: 367 đường N, thành phố T1, tỉnh Phú Yên, có mặt.

\* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* ông Huỳnh Nguyễn Ngọc G, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (văn bản uỷ quyền số 15/UQ-UBND ngày 9/5/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đ), có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn H1 – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Lê Quang D, công chức địa chính phường Hoà Hiệp Trung, có mặt.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, Ông Nguyễn Văn H1, Trưởng phòng, có mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chi cục thuế thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Q1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Bùi Văn H2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Nguyễn Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Năm 1992, Vợ chồng ông Q nhận chuyển nhượng diện tích đất tọa lạc tại thôn Phú Thọ 2, thị trấn H, huyện Đ từ ông Trần Ngọc Tr. Trên đất đã có nhà ông Tr xây dựng trước đó, diện tích đất chuyển nhượng khoảng 700m<sup>2</sup>. Sau khi chuyển nhượng gia đình ông Q trực tiếp quản lý sử dụng đất này.

Năm 2011, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 1280/QĐ- UBND ngày 09/12/2011 về việc thu hồi diện tích đất của ông Nguyễn Q để xây dựng công trình: Tiểu dự án 3-Đường từ khu công nghiệp HH đến Bắc Cầu ĐN thuộc dự án Hạ tầng đô thị Nam thành phố T1 – Vũng Rô, thu hồi diện tích 311,9m<sup>2</sup>. Phần diện tích còn lại, vợ chồng ông Q, bà L vẫn được tiếp tục sử dụng và tiến hành xây dựng lại nhà như hiện trạng hôm nay. Khi tôi xây dựng nhà và tường rào quanh khuôn viên đất có sự chứng nhận và giám sát của UBND phường H.

Năm 2012 vợ chồng ông Q, bà L làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này nhưng sau đó UBND thị trấn thông báo là hồ sơ bị thất lạc nên yêu cầu làm lại.

Ngày 20/6/2018, Vợ chồng ông Q, bà L tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình hợp xét nguồn gốc đất đã xong. Theo đó ngày 18/11/2019 ông Nguyễn Q đã được thông báo phải đóng tiền và ông Q đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền vào kho bạc nhà nước với số tiền 114.780.340 đồng. Nhưng đến nay UBND thị xã Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Q, bà L theo quy định pháp luật.

Do đó, người khởi kiện ông Nguyễn Q yêu cầu Tòa án: Buộc UBND thị xã Đ tiến hành các trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần Thị Kim L đối với hiện trạng diện tích đất 301m<sup>2</sup> (Theo Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 73- 2021 do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 15/10/2021) theo đúng quy định của pháp luật.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:* về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Q, UBND phường H đang kiểm tra xác minh lại nguồn gốc phần đất diện tích thửa đất số 219, loại đất RTS do UBND phường H quản lý vào thời điểm xây dựng nhà ở, để hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những cơ sở nêu trên, UBND thị xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên căn cứ các giấy tờ liên quan về hồ sơ cung cấp chứng cứ để xem xét, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ thống nhất trình bày:* Thống nhất theo quan điểm giải quyết của UBND thị xã Đ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường H trình bày:* Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thẩm quyền của UBND thị xã Đ. UBND phường H chỉ xác nhận diện tích đất ông Nguyễn Q đang sử dụng là phù hợp quy hoạch đất ở và không có tranh chấp với các hộ liền kề tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận năm 2018.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thuế thị xã Đ trình bày:* Ngày 05/6/2019 Chi cục thuế nhận hồ sơ kèm theo Phiếu chuyển số 1777/PCTTĐC-CNVPĐKĐĐ ngày 31/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ (nay là thị xã Đ). Nội dung hồ sơ kèm theo Phiếu chuyển ghi tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Q, bà Trần Thị Kim L. Qua kiểm tra Chi cục thuế nhận thấy chưa đủ cơ sở để xác định các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai, do đó ngày 10/6/2019, Chi cục thuế chuyển trả hồ sơ lại cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai để bổ sung, điều chỉnh thông tin. Nội dung đề nghị bổ sung diện tích phải nộp tiền sử dụng đất, tờ khai tiền sử dụng đất, nguồn gốc đất. Đến ngày 07/11/2019, Chi cục thuế nhận lại hồ sơ kèm Phiếu chuyển số

1777/PCTTĐC-CNVPĐKĐĐ ngày 31/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ. Căn cứ hồ sơ, ngày 12/11/2019, Chi cục thuế ban hành các thông báo nghĩa vụ tài chính sau:

Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB1950911-TK0010993/TB-CCT số tiền phải nộp 1.380.340 đồng và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB195 0911-TK0010992 số tiền phải nộp 113.400.000 đồng đối với ông Nguyễn Q.

Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB1950911-TK0010991 số tiền phải nộp 1.086.160 đồng đối với ông Trần Ngọc Tr (người chuyển nhượng cho ông Nguyễn Q).

Ngày 18/11/2019, ông Nguyễn Q và ông Trần Ngọc Tr đã nộp đủ số tiền nêu trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H2 trình bày:* Nguyên diện tích đất tôi đang sử dụng tiếp giáp với đất ông Nguyễn Q về phía Nam có nguồn gốc tôi khai hoang vào năm 1985 và sử dụng từ đó đến nay, giữa thửa đất tôi và đất ông Q không có khoảng trống. 02 thửa đất tiếp giáp với nhau có ranh giới ổn định từ trước cho đến nay. Giữa tôi và ông Q không có tranh chấp. Hiện nay, Diện tích đất tôi đang sử dụng và xây dựng nhà ở đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 362930 ngày 15/10/2015

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Q1 trình bày:* Nguyên diện tích đất tôi đang sử dụng tiếp giáp với đất ông Nguyễn Q về phía Bắc có nguồn gốc tôi khai hoang và sử dụng từ đó đến nay, giữa thửa đất tôi và đất ông Q không có khoảng trống. 02 thửa đất tiếp giáp với nhau có ranh giới ổn định từ trước cho đến nay. Giữa tôi và ông Q không có tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L trình bày:* Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 41/2021/HC- ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:*

Áp dụng điều 30, 32, 116, 158, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 101 Luật đất đai 2013, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q: Buộc UBND thị xã Đ phải tiến hành các trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần Thị Kim L đối với hiện trạng diện tích đất vợ chồng ông Q, bà L đang sử dụng tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/1/2022, người bị kiện UBND thị xã Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có kháng cáo và người bị kiện có kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng khẳng định rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung: quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở, trong giai đoạn phúc thẩm người bị kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào làm thay đổi bản chất vụ án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của đương sự và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người bị kiện có kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Các bên đương sự không đối thoại thành được, Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Kháng cáo của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện. Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 20/6/2018 người khởi kiện ông Nguyễn Q có nộp Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình xem xét theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Ngày 18/11/2019 ông Nguyễn Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo Thông báo của cơ quan thuế nhưng sau đó UBND thị xã Đ không tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Q. Nên ngày 17/8/2020 ông Nguyễn Q nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Phú Yên, Do đó, TAND tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định tại điều 32 và còn trong thời hiệu giải quyết vụ án quy định tại điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[4] Xét về nội dung, thấy rằng về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Q: Tại bút lục số 50 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của các bên đương sự tại phiên toà thì năm 1992, vợ chồng ông Nguyễn Q nhận chuyển nhượng diện tích đất tọa lạc tại thôn Phú Thọ 2, thị trấn Hoà Hiệp Trung, huyện Đ từ ông Trần Ngọc Tr. Trên đất đã có nhà ông Tr xây dựng trước đó, diện tích đất chuyển nhượng khoảng 700m<sup>2</sup>. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông Nguyễn Q trực tiếp quản lý sử dụng cho đến nay. Năm 2011, nhà nước thu hồi diện tích 311,9m<sup>2</sup> đất để thực hiện dự án (thu hồi một phần diện tích đất mà ông Nguyễn Q nhận chuyển nhượng từ ông Trần Ngọc Tr) và ông Nguyễn Q đã nhận tiền đền bù của Nhà nước theo quy định (BL-87-100)

[5] Đối chiếu bản đồ đo đạc năm 1995 thì hiện trạng diện tích 30lm<sup>2</sup> vợ chồng ông Nguyễn Q đang sử dụng thuộc một phần thửa 224 và thửa 219 tờ bản đồ 19-D. Tuy nhiên qua xem xét sổ mục kê, sổ địa chính lưu giữ tại địa phương đều không thể hiện chủ sử dụng đất là UBND xã quản lý mà thể hiện là đất chưa giao và đất rừng trồng. Theo bản đồ đo đạc năm 2010 thì trạng diện tích 30lm<sup>2</sup> vợ chồng ông Nguyễn Q đang sử dụng thuộc 03 thửa (147, 136 và 145). Qua đối chiếu sổ mục kê đều không thể hiện UBND xã quản lý đối với 03 thửa đất này mà tại thửa 147 thể hiện người sử dụng, quản lý là ông Nguyễn Q.

[6] Về hồ sơ thu hồi đất để thực hiện công trình Tiểu dự án 3 - Đường từ Khu Công nghiệp HH đến Bắc cầu ĐN thuộc dự án hạ tầng đô thị Nam thành phố T1 - Vũng Rô (Theo quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện Đ) thửa đất vợ chồng ông Q, bà L đang sử dụng có tổng diện tích 615,5m<sup>2</sup>, bị thu hồi, bồi thường với diện tích 31 1,9m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại gia đình ông Q được phép tiếp tục sử dụng là 303,6m<sup>2</sup> (BL số 114) và vợ chồng ông Q, bà L xây dựng lại nhà ở như hiện trạng hiện nay.

[7] Trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của ông Nguyễn Q thể hiện UBND thị trấn H (nay là UBND phường H) đã tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/NĐ-CP và đã tiến hành niêm yết công khai và chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền. Kết quả này phù hợp tại báo cáo số 337/BC-UBND ngày 10/12/2018 của UBND thị trấn H (BL 23) thể hiện: Theo biên bản kiểm tra hiện trạng, xác minh về nguồn gốc đất đai và thời điểm sử dụng đất của UBND thị trấn đã lập ngày 18/7/2018, tại vị trí lô đất của ông Nguyễn Q thuộc tờ bản đồ số 34, thửa đất số 147, diện tích 301,7m<sup>2</sup>. Có nguồn gốc sử dụng đất do ông Trần Ngọc Tr khai hoang năm 1986. Đến năm 1992 ông Tr xây dựng 02 ngôi nhà cấp 4. Đến năm 1997 ông Tr chuyển nhượng cho ông Q 01 phần diện tích và 01 ngôi nhà cấp 4. Đến tháng 4 năm 1997 ông Q xây dựng thêm nhà ở.... Tại bút lục 19, đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Q, do UBND thị trấn H xác nhận: Đất không tranh chấp, phù hợp quy hoạch. Đất ông Q sử dụng không thuộc đất công ích của thị trấn theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ “Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp”.

[8] Tại Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Q1 và ông Bùi Văn H2 là 02 hộ sử dụng đất liền kề với đất ông Q về phía Bắc và phía Nam đều thể hiện diện tích 301m<sup>2</sup> đất ông Nguyễn Q sử dụng ổn định, liên tục và giữa các bên không có tranh chấp. Đồng thời qua xác minh tại UBND phường H thể hiện trong quá trình sử dụng đất nêu trên thì ông Nguyễn Q không bị chính quyền địa phương hay cơ quan có thẩm quyền lập biên bản hay xử phạt vi phạm hành chính. Nội dung này, tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện UBND phường Hoà Hiệp Trung cũng thừa nhận (khi trả lời câu hỏi của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà). Mặt khác, Theo Mảnh trích đo chính lý bản đồ địa chính số 73-2021, do Văn phòng đăng ký đất đai ngày 15/10/2021 và tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2021 đều thể hiện diện tích ông Nguyễn Q xây dựng phù hợp với quy hoạch và đúng chỉ giới xây dựng. Đồng thời, phía Tây thửa đất (mặt tiếp giáp với đường Hùng Vương) trùng với chỉ giới thu hồi đất khi nhà nước thực hiện công trình Tiểu dự án 3 - Đường từ Khu Công nghiệp HH đến Bắc cầu ĐN thuộc dự án hạ tầng đô thị Nam thành phố T1 - Vũng Rô vào năm 2011.

[9] Mặt khác, Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB1950911-TK-1-993/TB-CCT số tiền phải nộp 1.380.340 đồng và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1950911-

TK0010992 số tiền phải nộp 113.400.000 đồng của Chi cục thuế thị xã Đ; ngày 18/11/2019 người khởi kiện ông Nguyễn Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính nêu trên (BL-34, Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước của ông Nguyễn Q ngày 18/11/2019).

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Q là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở; người bị kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào làm thay đổi bản chất vụ án nên kháng cáo không được chấp nhận, Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà phúc thẩm hôm nay.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.**

Áp dụng điều 30, 32, 116, 158, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 101 Luật đất đai 2013, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q: Buộc UBND thị xã Đ, tỉnh Phú Yên phải tiến hành các trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần Thị Kim L đối với hiện trạng diện tích đất vợ chồng ông Q, bà L đang sử dụng tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên theo đúng quy định của pháp luật.



Về án phí phúc thẩm hành chính: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000208 ngày 21/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Các quyết khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Cường**